TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐỒNG THÁP** Bản án số: 314/2025/DS-PT Ngày: 11 - 9 - 2025 V/v tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản"	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lưu Thị Thu Thủy

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Ái Đoan

Bà Lâm Ngọc Tuyền

- ***Thư ký phiên tòa*:** Ông Lê Minh Thắm – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa:*** Bà Hà Thúy Thảo - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 04 và 11 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 324/2025/TLPT-DS ngày 14 tháng 7 năm 2025 về việc tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 49/2025/DS-ST ngày 09 tháng 5 năm 2025 của Toà án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang (nay là Tòa án nhân dân Khu vực 03 - Đồng Tháp) bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 961/2025/QĐ-PT ngày 21 tháng 7 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông **Võ Huy K**, sinh năm 1974, (có mặt);

Địa chỉ: Ấp N, xã Đ, huyện C, tỉnh Tiền Giang (nay là ấp N, xã L, tỉnh Đồng Tháp).

- *Đại diện ủy quyền*: Bà **Tăng Thị Hồng H**, sinh năm 1955, (có mặt);

Địa chỉ: Số A, L, Phường F, thành phố M, tỉnh Tiền Giang (Số A, Lê Thị Hồng G, phường T, tỉnh Đồng Tháp).

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp*: **Luật sư Võ Huy T** - Văn phòng L, Đoàn Luật sư tỉnh T, (có mặt).

2. Bị đơn: Bà **Lê Minh N**, sinh năm 1960, (có mặt);

Địa chỉ: ấp B, xã Đ, huyện C, tỉnh Tiền Giang (nay là ấp B, xã B, tỉnh Đồng Tháp).

- *Đại diện uỷ quyền*: Ông **Nguyễn Hoàng V**, sinh năm 1965, (có mặt);

Địa chỉ: Ấp T, xã A, huyện C, tỉnh Tiền Giang (nay là ấp T, xã A, tỉnh Đồng Tháp).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông **Nguyễn Văn S**, sinh năm 1971, (có mặt);

Địa chỉ: Ấp N, xã Đ, huyện C, tỉnh Tiền Giang (nay là ấp N, xã L, tỉnh Đồng Tháp).

4. Người kháng cáo: Bị đơn, bà **Lê Minh N.**

NỘI DUNG VỤ ÁN

*Theo bản án sơ thẩm;

Nguyên đơn, ông Võ Huy K có đại diện theo uỷ quyền là bà Tăng Thị Hồng H trình bày:

Ông và bà N là bà con xa, bắt đầu từ năm 2023 bà N nhiều lần nhờ ông đi mượn tiền để bà N thực hiện đáo hạn ngân hàng và ông đã nhiều lần cho bà N mượn tiền, mỗi lần từ 2,6 tỷ đồng đến hơn 09 tỷ đồng, hai bên không thỏa thuận lãi suất nhưng bà N sẽ trả cho ông từ 10 triệu đồng đến 20 triệu đồng, mỗi lần ông cho bà N mượn tiền thì giữa ông và bà N không có làm biên nhận nợ, đồng thời bà N cũng không làm biên nhận nợ đối với người ông mượn tiền để cho bà N mượn lại. Các khoản tiền bà N mượn của ông năm 2023 đều trả đầy đủ.

Đến năm 2024, ông tiếp tục cho bà N mượn tiền (ông không nhớ từng lần cho mượn, số tiền cụ thể của từng lần ông không nhớ rõ), nhưng số tiền mỗi lần mượn từ 500 triệu đồng đến 12 tỷ đồng và đều có làm 01 biên nhận nợ do ông giữ, thời gian mượn tiền từ khoảng 04 ngày đến 17 ngày, lãi suất do bà N quyết định và mức lãi suất sẽ do bà N ghi trong biên nhận nợ. Sau khi bà N trả tiền thì có biên nhận bà N lấy lại, có biên nhận bà N không lấy lại thì ông sẽ làm dấu chữ "R" trong biên nhận để ghi chú bà N đã trả xong.

Ngày 05/8/2024, bà N mượn ông số tiền 12 tỷ đồng, theo nội dung biên nhận thì bà N mượn tiền để mở công ty, bà N thỏa thuận lãi suất 0,65%/năm, ở phía mặt sau của biên nhận nợ thì bà N có hứa đến ngày 05/10/2024 trả vốn và lãi cho ông, nhưng cho đến nay bà N vẫn chưa trả số tiền vay và lãi theo thỏa thuận.

Nay ông khởi kiện yêu cầu bà N trả lại cho ông số tiền vốn 12 tỷ đồng, ông yêu cầu bà N trả lãi đối với số tiền trên cho ông, theo đơn khởi kiện bổ sung ngày 04/11/2024 ông yêu cầu bà N trả lãi với mức lãi suất 1,66%/tháng tính từ ngày vay tiền ngày 05/8/2024 đến ngày Tòa án xét xử, tiền lãi tạm tính đến ngày nộp đơn khởi kiện là 597.600.000 đồng. Nhưng nay ông yêu cầu bà N trả lãi cụ thể như sau: Lãi suất từ ngày 05/8/2024 đến thời hạn thỏa thuận vay ngày 05/10/2024 với mức lãi suất 0,65%/năm; lãi suất từ sau ngày 05/10/2024 cho đến khi Tòa án xét xử với mức lãi suất 1,66%/tháng. Ông yêu cầu bà N trả vốn và lãi cho ông ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Đối với biên nhận mượn tiền ngày 08/02/2024 mà bà N cung cấp bản photo cho Tòa án, theo nội dung biên nhận thể hiện "tổng số tiền 1.440.000.000 đồng", số tiền trên là bà N cộng 03 biên nhận nợ của các biên nhận ngày 01/11/2023 với số tiền mượn là 400.000.000 đồng, ngày 01/10/2023 với số tiền mượn là

200.000.000 đồng, ngày 08/02/2024 với số tiền là 840.000.000 đồng. Bà N1 đã trả thông qua chuyển khoản cho ông là 1.400.000.000 đồng (cụ thể ngày 18/6/2024 trả 1.300.000.000 đồng và ngày 06/11/2024 trả 100.000.000 đồng), khoản vay này bà N1 còn nợ ông số tiền 40.000.000 đồng, nên biên nhận nợ ngày 05/8/2024 với số tiền 12 tỷ đồng là khoản vay khác, không phải cộng từ các biên nhận nêu trên.

Bị đơn, bà Lê Minh N có đại diện theo ủy quyền là ông Nguyễn Hoàng V trình bày:

Từ ngày 07/08/2023 đến ngày 18/06/2024 bà N có vay tiền của ông Võ Huy K và ông Nguyễn Văn S 13 lần với tổng số tiền 16.710.000.000 đồng, đã trả 12.825.000.000 đồng, còn lại tiền vốn 3.885.000.000 đồng, cụ thể các lần đã vay và trả như sau:

- Lần 1: Ngày 07/08/2023 bà N có vay của ông K số tiền 150.000.000 đồng, lãi suất 20%/tháng, ngày 22/08/2023 bà trả vốn số tiền 150.000.000 đồng và 15.000.000 đồng tiền lãi, tổng cộng đã trả số tiền 165.000.000 đồng (đã trả xong, không còn nợ).

- Lần 2: Ngày 15/10/2023 bà N có vay của ông K số tiền 200.000.000 đồng, lãi suất 3%/tháng, ngày 11/01/2024 bà trả vốn số tiền 200.000.000 đồng và 12.000.000 đồng tiền lãi, tổng cộng đã trả số tiền 212.000.000 đồng (đã trả xong, không còn nợ).

- Lần 3: Ngày 06/12/2023 bà N có thế chấp đất (Hợp đồng giả cách) bằng cách ký Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 1196 tờ bản đồ số 1 diện tích 1348,4m^2 tọa lạc tại ấp T, xã D, huyện C, tỉnh Tiền Giang, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DO 369765, số vào số cấp GCN:CN01394 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp ngày 22/03/2024, thửa đất số 1195 tờ bản đồ số 1 diện tích 2527,5m^2 tọa lạc tại ấp T, xã D, huyện C, tỉnh Tiền Giang theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DO 369764, số vào sổ cấp GCN:CN01395 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp ngày 22/03/2024; để vay số tiền 2.650.000.000 đồng, không thỏa thuận thời hạn vay. Ngày 10/01/2024 bà đã trả 80.000.000 đồng; còn nợ tiền vốn 2.570.000.000 đồng.

- Lần 4: Ngày 08/01/2024 bà N có vay số tiền 9.800.000.000 đồng, lãi suất 60%/tháng. Ngày 01/11/2024 bà trả tiền vốn 9.800.000.000 đồng, tiền lãi 588.000.000 đồng. Tổng cộng đã trả số tiền 10.388.000.000 đồng.

- Lần 5: Ngày 08/12/2023 bà N có thế chấp Giấy Passport tên Lê Hồng C để vay số tiền 250.000.000 đồng, lãi suất 10%/tháng. Hiện nay chưa chuộc lại.

- Lần 6: Ngày 10/12/2023 bà N có thế chấp Giấy Passport tên Lê Minh N và Giấy đăng ký xe ô tô 63C- 07439 để vay số tiền 200.000.000 đồng, lãi suất 10%/tháng. Bà đã trả 40.000.000 đồng. Hiện nay chưa chuộc lại.

- Lần 7: Ngày 28/12/2023 (Âm lịch) bà N có vay số tiền 500.000.000 đồng, lãi suất 60%/tháng. Hiện nay chưa trả.

- Lần 8: Ngày 29/12/2023 (Âm lịch) bà N có vay số tiền 100.000.000 đồng, lãi suất 60%/tháng. Hiện nay chưa trả.

- Lần 9: Năm 2023 bà N có vay số tiền 100.000.000 đồng, thế chấp (Hợp đồng giả cách) Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất diện tích 1.000m^2 tọa lạc tại ấp H, xã Đ, huyện C, tỉnh Tiền Giang

- Lần 10: Ngày 05/03/2024 bà N có vay số tiền 50.000.000 đồng, lãi suất 10%/tháng. Hiện nay chưa trả.

- Lần 11: Ngày 05/03/2024 bà N có thế chấp (Hợp đồng gỉa cách) Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 1865 tờ bản đồ số 02 diện tích 3695,3m^2 tọa lạc tại ấp T, xã S, huyện C, tỉnh Tiền Giang theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 369923 do Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang cấp; thửa đất số 1864 tờ bản đồ số 02 diện tích 1263.5m^2 tọa lạc tại ấp T, xã S, huyện C, tỉnh Tiền Giang do Ủy ban nhân dân huyện C cấp, để vay số tiền 2.000.000.000 đồng, thời hạn vay 01 tháng. Hiện nay chưa trả.

- Lần 12: Tháng 06/2024 bà N có vay số tiền 50.000.000 đồng, lãi suất 10%/tháng tháng. Hiện nay chưa trả.

- Lần 13: Ngày 06/06/2024 bà N có vay số tiền 400.000.000 đồng, lãi suất 187%/tháng. Ngày 18/6 ông K yêu cầu bà trả số tiền 700.000.000 đồng.

- Lần 14: Năm 2024, bà N có vay số tiền 100.000.000 đồng, lãi suất 10%/tháng. Hiện nay chưa trả.

- Lần 15: Năm 2024 bà N có vay số tiền 100.000.000 đồng, lãi suất 10%/tháng. Hiện nay chưa trả.

- Lần 16: Ngày 2024 bà N có vay số tiền 50.000.000 đồng lãi suất 10%/tháng. Hiện nay chưa trả.

- Lần 17: Tháng 6/2024 bà N có vay số tiền 10.000.000 đồng, lãi suất 10%/tháng. Hiện nay chưa trả.

Đối với biên nhận mượn tiền ngày 05/8/2024 mà ông K nộp cho Tòa án với số tiền 12 tỷ đồng là do ông K đã lừa gạt, ép buộc (ông K không có dùng vũ lực để ép buộc bà N viết biên nhận nhưng ông K có dùng lời nói, đóng cửa buộc bà N viết biên nhận nợ cho ông K) bà N viết để ông K sử dụng biên nhận nợ tiến hành các thủ tục vay ngân hàng. Sau khi bị ông K lừa gạt, ép buộc viết biên nhận nợ thì bà N không báo cơ quan chức năng xử lý hành vi của ông K.

Do đó, bà N không đồng ý với tất cả yêu cầu khởi kiện của ông K. Đối với việc ông K cho bà N vay tiền với mức lãi suất cao thì bà N đã có làm đơn yêu cầu Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện C xử lý về hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, ông Nguyễn Văn S trình bày:

Giữa ông và bà Nguyệt thực T1 có chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với 02 thửa đất số 1864 và 1865 tại ấp T, xã S, huyện C, tỉnh Tiền Giang. Hai bên đã ra Công chứng ký hợp đồng chuyển nhượng như nêu trên, bà N đã nhận đủ tiền chuyển nhượng như thỏa thuận và đã giao đất cho ông sử dụng từ ngày ký hợp đồng chuyển nhượng cho đến nay. Hiện ông đã được Nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Bà N1 cho rằng hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất nêu trên giữa ông với bà N1 có liên quan đến số tiền 12 tỷ bà vay của Võ Huy K theo "Biên nhận mượn tiền" ngày 05/08/2024 là hoàn toàn không đúng, bởi lẽ:

- Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất Công chứng số: 000258, ngày 08/3/2024 là hợp đồng được thực hiện giữa ông với bà Lê Minh N, không liên quan đến người thứ ba.

- Từ ngày ký hợp đồng và nhận đủ tiền, bà N đã giao đất cho ông sử dụng và không có tranh chấp, điều đó chứng tỏ đất ông đang đứng tên quyền sử dụng là thuộc quyền sở hữu, sử dụng của ông, không liên quan đến bất kỳ người khác.

- Việc bà N khai 02 thửa đất ông nhận chuyển nhượng của bà vào ngày 08/03/2024 liên quan đến số tiền bà vay của ông Võ Huy K ngày 05/08/2024, là không hợp lý, vì 02 thời điểm hoàn toàn khác nhau, đối tượng hợp đồng cũng khác nhau.

Đối với biên nhận mượn tiền ngày 05/01/2024 mà bà N cung cấp cho Tòa án, ông S có ý kiến như sau: Vào ngày 05/01/2024 bà Lê Minh N là chỗ quen biết với ông, bà hỏi mượn ông số tiền 10 tỷ (mười tỷ) đồng để trả nợ ngân hàng, lấy sổ đỏ ra để chuyển nhượng cho khách vì bà N đã nhận đặt cọc của khách 10 tỷ đồng nhưng bà đã lấy số tiền này đi trả nợ, giờ tới hạn phải ký Hợp đồng chuyển nhượng cho khách mà không có tiền trả nợ ngân hàng thì phải trả lại tiền đặt cọc và bồi thường đặt cọc, trước tình thế nguy kịch của bà N, ông đồng ý giúp, nhưng ông không đủ tiền nên phải nhờ ông K hỗ trợ. Ông và ông K đã gom tiền cho bà N mượn 9.600.000.000 đồng (không phải 9.800.000.000 đồng), đây là tiền cho mượn, không có lãi suất. Sau khi mượn được tiền bà N trả nợ cho Ngân hàng, nhận sổ đỏ ra để ký hợp đồng chuyển nhượng cho khách, khách mua đất trả tiền cho bà, có tiền bà N trả tiền lại cho ông và ông K đủ số tiền 9.600.000.000 đồng vào ngày hôm sau. Ông và ông K không tính tiền lãi, nhưng bà N có tự nguyện cho ông K và ông số tiền 3.000.000 đồng uống cà phê.

* Bản án dân sự sơ thẩm số 49/2025/DS-ST ngày 09 tháng 5 năm 2025 của Toà án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang (nay là Tòa án nhân dân Khu vực 03 - Đồng Tháp) căn cứ Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Võ Huy K đối với bà Lê Minh N. Buộc bà N trả cho ông K số tiền vốn vay 12 tỷ đồng và tiền lãi 1.407.360.000 đồng, thực hiện trả khi án có hiệu lực pháp luật.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ chậm trả, án phí và quyền kháng cáo của đương sự theo quy định.

Ngày 12 tháng 5 năm 2025, bị đơn, bà Lê Minh N kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm sửa toàn bộ bản án sơ thẩm theo hướng bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

* Tại phiên tòa hôm nay:

- Đại diện uỷ quyền của bà Lê Minh N trình bày: Bà Nguyệt thay đổi một phần kháng cáo, yêu cầu hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm theo hướng: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Võ Huy K. Bà N1 đồng ý trả cho ông

Võ Huy K số tiền vốn 8,5 tỷ đồng và tiền lãi tính từ ngày 05/8/2024 đến nay với lãi suất 0,83%/tháng.

- Ông Võ Huy K và đại diện uỷ quyền của ông K giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, không đồng ý với yêu cầu kháng cáo của bị đơn, yêu cầu hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn tranh luận: Bị đơn cho rằng bị ép buộc về tinh thần khi viết và ký tên vào biên nhận mượn tiền là không có căn cứ, vì sau khi viết, ký tên và lăn tay vào "Biên nhận mượn tiền ngày 05/8/2024" thì bị đơn không làm đơn tố cáo hành vi ép buộc của nguyên đơn. Bị đơn cho rằng nguyên đơn có hành vi cho vay nặng lãi và đã có đơn tố giác gửi cơ quan Cảnh sát điều tra, nhưng cơ quan Cảnh sát điều tra đã ra thông báo không khởi tố vụ án do không có hành vi cho vay nặng lãi. Bị đơn có cung cấp "Vi bằng" do Văn phòng Thừa phát lại lập nhưng "Vi bằng" này được lập thông qua thiết bị điện thoại, Thừa phát lại không trực tiếp nhìn thấy bản gốc, không thể xác định hình ảnh trong điện thoại là hình ảnh thật hay đã bị sao chép chỉnh sửa. Tại phên toà hôm nay người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn cho rằng trong tổng số 12 tỷ đồng bị đơn vay của nguyên đơn theo biên nhận ngày 05/8/2024 chỉ có 8,5 tỷ đồng nợ gốc, còn lại là tiền lãi nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh. Vì vậy, đề nghị hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu quan điểm giải quyết vụ án đề nghị hội đồng xét xử: Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên, hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Đơn kháng cáo của bà Lê Minh N còn trong thời hạn quy định nên được xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2]. Tại phiên toà, đại diện theo uỷ quyền của bà N thay đổi một phần yêu cầu kháng cáo. Xét việc thay đổi kháng cáo của bị đơn không bị giới hạn bởi phạm vi kháng cáo ban đầu nên được hội đồng xét xử chấp nhận.

[3]. Về nội dung kháng cáo, xét thấy:

Tại phiên toà, đại diện theo uỷ quyền của bà N trình bày: Vào khoảng năm 2023 đến trước năm 2024 bà N có giao dịch vay mượn tiền của ông Võ Huy K nhiều lần nhưng đã thanh toán xong. Từ đầu năm 2024 đến ngày 05/8/2024 bà N có vay của ông K nhiều lần với tổng số tiền vay là 8,5 tỷ đồng, lãi suất thoả thuận 3%/tháng. Ngày 05/8/2024, ông K yêu cầu bà N đến nhà ông K và ép buộc bà N phải viết "Biên nhận mượn tiền" với nội dung bà N có mượn của ông K số tiền 12 tỷ đồng nhưng thực tế chỉ có 8,5 tỷ đồng là tiền vốn và 3,5 tỷ đồng là tiền lãi. Do đó, bà N yêu cầu hội đồng xét xử sửa một phần bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông K, bà N đồng ý trả

cho ông K số tiền vốn 8,5 tỷ đồng và tiền lãi tính từ ngày 05/8/2024 cho đến nay với lãi suất 0,83%/tháng.

Xét yêu cầu kháng cáo của bà N là không có căn cứ bởi các lẽ sau:

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà, phía bà N thừa nhận chữ viết, chữ ký và dấu lăn tay trong "Biên nhận mượn tiền" ngày 05/8/2024 do ông K cung cấp là của bà N. Đây là tình tiết sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đối với "Biên nhận mượn tiền" ngày 05/8/2024 mà ông K nộp cho Tòa án với số tiền 12 tỷ đồng, bà N cho rằng ông K đã lừa gạt, ép buộc bà N viết để ông K sử dụng biên nhận nợ tiến hành các thủ tục vay ngân hàng, sau khi bị ông K lừa gạt, ép buộc viết biên nhận nợ thì bà N không báo cơ quan chức năng xử lý hành vi của ông K. Xét thấy, ngoài lời trình bày của bà N thì bà N không cung cấp được chứng cứ chứng minh ông K có hành vi ép buộc bà N viết biên nhận mượn tiền và phía bà N cũng không cung cấp được chứng cứ chứng minh trong 12 tỷ đồng ghi trong biên nhận mượn tiền này chỉ có 8,5 tỷ đồng là tiền vốn còn 3,5 tỷ đồng là tiền lãi. Vì vậy, bà N phải có nghĩa vụ trả cho ông K số tiền vốn 12 tỷ đồng và tiền lãi theo quy định.

Bà N1 cho rằng ông K có hành vi cho vay nặng lãi và đã nộp đơn yêu cầu cơ quan Cảnh sát điều tra xử lý. Ngày 06/5/2025, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh T đã ra thông báo kết quả giải quyết nguồn tin về tội phạm có nội dung: *"Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh T đã ra Quyết định không khởi tố vụ án hình sự số 2447/QĐ-CSKT ngày 06 tháng 5 năm 2025 do hành vi không đủ yếu tố cấu thành tội phạm"*.

Từ những chứng cứ nêu trên, bản án sơ thẩm tuyên buộc bà N1 phải trả cho ông K số tiền vốn vay 12 tỷ đồng và tiền lãi 1.047.360.000 đồng là phù hợp với quy định tại Điều 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Bà N1 kháng cáo nhưng không bổ sung được chứng cứ chứng minh. Do đó, hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà N1, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[4]. Xét tranh luận của Luật sư Võ Huy T và ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên toà là có cơ sở, phù hợp pháp luật nên được hội đồng xét xử chấp nhận.

[5]. Về án phí: Bà Nguyệt được miễn toàn bộ án phí do là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí.

Vì các lẽ trên;

Căn cứ khoản 1 Điều 308, khoản 1 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

QUYẾT ĐỊNH:

1/- Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Lê Minh N.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 49/2025/DS-ST ngày 09 - 5- 2025 của Toà án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang (nay là Tòa án nhân dân Khu vực 03 - Đồng Tháp).

Căn cứ các Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Võ Huy K.

Buộc bà Lê Minh N phải trả cho ông Võ Huy K số tiền vốn vay 12.000.000.000 đồng (Mười hai tỷ đồng) và tiền lãi 1.407.360.000 đồng (Một tỷ, bốn trăm lẻ bảy triệu, ba trăm sáu mươi ngàn đồng).

Kể từ ngày ông K có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà N chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền, thì còn phải trả lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

2/- Về án phí: B được miễn toàn bộ án phí.

H1 lại cho ông Võ Huy K số tiền tạm ứng án phí 60.299.000 đồng (Sáu mươi triệu, hai trăm chín mươi chín ngàn đồng), theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0012085 ngày 12/11/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Tiền Giang.

3/- Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án tuyên lúc 08 giờ ngày 11/9/2025, có mặt các đương sự.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- TAND KV 3 - Đồng Tháp;
- Phòng THADS KV 3 - Đồng Tháp;
- Đăng cổng thông tin điện tử;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án (Thắm).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lưu Thị Thu Thủy